



zǒng liàng

总量

noun · total

Example Sentence

zhèng fǔ chū tái de xīn guī bù jīn xiàn zhì le néng hào zǒng liàng hái gǔ lì shǐ yòng kě zài shēng néng yuán
政府出台的新规不仅限制了能耗总量，还鼓励使用可再生能源。

The new regulations issued by the government not only limit the total energy consumption but also encourage the use of renewable energy.

Trace each character, then write the word on your own.

总	总	总	总	总	总	总	总	总	总	总
总										
量	量	量	量	量	量	量	量	量	量	量
量	量	量	量							